

Bản án số: 553/2024/HS-PT

Ngày: 15/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 530/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo [Vũ Đại D](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

*** Bị cáo có kháng cáo**

Họ và tên: [Vũ Đại D](#), sinh năm 1985 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: [Tổ dân phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng](#); nơi ở: [Ngõ A K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Vũ Văn Đ](#) (đã chết) và bà [Nguyễn Thị H](#); có vợ là [Ngô Thị T](#) (đã ly hôn) và 03 con; tiền án: Bản án số 38/2018/HSST ngày 30/11/2018, Tòa án nhân dân quận Hải An xử phạt [Vũ Đại D](#) 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Án số 42/2007/HSST ngày 16/5/2007, Tòa án nhân dân quận Hải An xử phạt [Vũ Đại D](#) 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Chống người thi hành công vụ, thời hạn tính từ ngày 16/5/2007 (đã xóa án tích); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2022, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư [Hoàng Thị H1](#) – Văn phòng Luật sư [Tâm N](#) và Cộng sự, thuộc [Đoàn luật sư thành phố H](#), (có mặt).

* Bị hại: Bà [Trần Thị N1](#), sinh năm 1982; trú tại: [Số A H, Đ, H, Hải Phòng](#), (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đại D hoạt động môi giới bất động sản và nhận san lấp mặt bằng thuê trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2022, Vũ Đại D đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** D biết nguồn gốc thửa đất số 186 tờ bản đồ số 11, tại địa chỉ ngõ A K, Đ, H, Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1961, trú tại: Số A H, Đ, H, Hải Phòng - là bác họ của D) nằm trong diện nhà nước thu hồi thực hiện Dự án đường 100m Lạch Tray - Hồ Đ (bà H2 đã nhận tiền đền bù). Diện tích đất này bà H2 đang giao cho em trai là Nguyễn Văn K (sinh năm 1974, trú tại: H, Đ, H, Hải Phòng - cậu họ của D) sử dụng trồng cây. D lấy có mượn diện tích đất của ông K để làm mặt bằng cho thuê, đưa cho ông K 32.000.000 đồng tiền hỗ trợ công tôn tạo, trồng cây. Ông K đồng ý, nhận tiền của D, đưa cho bà H2 một phần để chữa bệnh. Sau đó, D san lấp mặt bằng, phân lô với diện tích 122,5m²/lô, chào bán. D giới thiệu thông tin diện tích đất bán thuộc quyền sở hữu của D, là đất nông nghiệp, có thể xây dựng nhà cấp 4 và chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Khoảng tháng 3/2021, D bán cho chị Trần Thị N1 (sinh năm 1982, trú tại: Số A H, Đ, H, Hải Phòng) 03 lô (mua 02 lô tặng 01 lô) với giá 615.000.000 đồng. Sau đó, chị N1 giới thiệu cho chị gái là Trần Thị H3 (sinh năm 1976, trú tại: Số B đường N, M, N, Hải Phòng) mua 01 lô với giá 170.000.000 đồng. Các bên có lập hợp đồng chuyển nhượng, giao hẹn hoàn thiện thủ tục mua bán có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng D không thực hiện, trốn tránh không trả lại tiền đã nhận của chị N1 và chị H3. Tổng số tiền D chiếm đoạt của chị N1 và chị H3 là 785.000.000 đồng.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng đầu tháng 4/2022, D được anh Nguyễn Hoàng U (sinh năm 1982, trú tại: Số D K, Đ, H, Hải Phòng) nhờ bán hộ lô đất có diện tích 726m²; địa chỉ tại ngõ A đường N, Đ, H, Hải Phòng; chụp ảnh gửi qua zalo cho D giấy tờ nguồn gốc đất của gia đình anh U. Ngày 14/4/2022, D giao dịch bán diện tích đất trên cho chị Trần Thị N2 (sinh năm 1973, trú tại: Thôn B, L, V, Hải Phòng) với giá 4,6 tỷ đồng. D giới thiệu với chị N2, diện tích đất trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của D. Chị N2 yêu cầu xem giấy tờ thì D đã lên mạng xã hội đặt làm giả giấy tờ thay tên anh Nguyễn Hoàng U bằng tên Vũ Đại D trên “Đơn xin xác nhận, có dấu và chữ ký của ông Trịnh Văn G - Chủ nhiệm Hợp tác xã N3” (bản gốc anh U giữ, đã chụp ảnh gửi cho D trước đó). D đưa giấy tờ giả cho chị N2 xem, chị N2 tin tưởng nên đặt cọc cho D 600.000.000 đồng. D cam kết sau 03 tháng sẽ làm xong thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị N2 và thanh toán nốt số tiền còn lại. Sau đó, D lấy có chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng để kéo dài thời gian, chiếm đoạt của chị N2 600.000.000 đồng, ăn tiêu cá nhân hết.

- **Vụ thứ ba:** Ngày 23/6/2022, D thỏa thuận bán căn nhà cấp 4 trên diện tích 46,2m2 tại ngõ A K, Đ, H, Hải Phòng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của D cho chị Trần Thị N2 với giá 900.000.000 đồng. Hai bên mua bán thanh toán đầy đủ. Sau đó, chị N2 nhờ D bán lại cho người khác nhưng không bán được. Chị N2 thỏa thuận bán lại cho D với giá 01 tỷ đồng với điều kiện D phải làm xong giấy tờ thửa đất đã giao dịch trước đó (vụ thứ 2).

Đến ngày 09/12/2022, D bán căn nhà tại ngõ A K trên cho chị Ta Thị V (sinh năm 1972, trú tại: Tổ C Cùm F, Đ, Ngõ Q, Hải Phòng) với giá 510.000.000 đồng. Hai bên lập vi bằng tại Văn phòng T1 Gia đình chị V đã nhận nhà, chuyển đến sinh sống tại đây thì chị N2 phát hiện. D đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị V là 510.000.000 đồng.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra không thu giữ được bản gốc “Đơn xin xác nhận của anh Nguyễn Hoàng U, có dấu và chữ ký của ông Trình Văn G - Chủ nhiệm Hợp tác xã N3” do gia đình anh U không đồng ý cung cấp nên không thể giám định, xử lý đối với D về hành vi sử dụng giấy tờ giả.

Tại cơ quan điều tra Vũ Đại D khai nhận như nội dung nêu trên. Số tiền chiếm đoạt được của người khác D đã ăn tiêu cá nhân hết.

Về vật chứng: Các giấy tờ mua bán, chuyển nhượng đất.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, đã qua sử dụng, mặt lưng bị vỡ; 01 (một) túi xách bên trong có 01 con dấu chức danh tên Giám đốc Vũ Đại D; 01 hộp nhựa (kích thước 15x15,5x1 cm) bên trong có 12 dao khắc chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố.

Về dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, gia đình D đã giải quyết xong vấn đề dân sự với chị Trần Thị N2, chị V. Chị N2 không yêu cầu D bồi thường thêm. Chị N1 và chị H3 yêu cầu D phải bồi thường số tiền đã bị chiếm đoạt là 785.000.000. Cụ thể chị N1 số tiền là 615.000.000 đồng, chị H3 số tiền là 170.000.000 đồng.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng, quyết định

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Vũ Đại D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

Xử phạt bị cáo Vũ Đại D 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/4/2024, bị cáo Vũ Đại D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Vũ Đại D trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm, thừa nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bà [N1](#) 615.000.000 đồng và bà [H3](#) 170.000.000 đồng.

- Bị hại là bà [N1](#) xác nhận phía bị cáo [D](#) đã bồi thường xong cho bà số tiền 615.000.000 đồng và đã bồi thường cho bà [H3](#) 170.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo [Vũ Đại D](#) trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm. Bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do, bị cáo tác động gia đình bồi thường hết số tiền cho bị hại và tại phiên tòa phúc thẩm bà [N1](#) thừa nhận phía gia đình bị cáo đã trả bà đủ số tiền 615.000.000 đồng và trả cho bà [H3](#) 170.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Những căn cứ trên là tình tiết mới được xem xét tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và do có tình tiết mới, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Căn cứ Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình (mẹ đẻ là bà [H](#)) bồi thường toàn bộ trách nhiệm dân sự cho bà [N1](#) là 615.000.000 đồng và bà [H3](#) là 170.000.000 đồng cũng như bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên, bị cáo được áp dụng tình tiết mới là điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cũng như mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là nghiêm khắc.

- Bị cáo nhất trí trình bày của Luật sư bào chữa cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội làm công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo [Vũ Đại D](#) trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an thành phố H](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo [Vũ Đại D](#) tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: [Vũ Đại D](#) hoạt động môi giới bất động sản và nhận san lấp mặt bằng thuê trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2022, [Vũ Đại D](#) đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách bán, chuyển nhượng tài sản (quyền sử dụng đất, nhà) không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình cho người khác để chiếm đoạt tiền của nhiều người, cụ thể của chị [Trần Thị N1](#): 615.000.000 đồng, chị [Trần Thị H3](#): 170.000.000 đồng, chị [Trần Thị N2](#): 600.000.000 đồng, chị [Ta Thị V](#): 510.000.000 đồng. Tổng số tiền [D](#) chiếm đoạt là 1.895.000.000 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo [Vũ Đại D](#) đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng và gây mất trật tự trị an chung. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc để giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tại giai đoạn điều tra, gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản và khoản 2 (gia đình khắc phục một phần hậu quả cho bị hại) Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Với nhận định nêu trên cũng như Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần, chưa khắc phục hết hậu quả, do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt như quyết định của bản án sơ thẩm.

[7] Về phần bồi thường dân sự: Tại cấp sơ thẩm gia đình bị cáo đã bồi thường, giải quyết xong phần dân sự đối với bà [N2](#) và bà [V](#). Bà [V](#) và bà [N2](#) không có yêu cầu gì khác. Đối với số tiền chiếm đoạt của chị [N1](#) và bà [H3](#), bị cáo chưa bồi thường, nên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị [N1](#) 615.000.000 đồng và bà [H3](#) 170.000.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo [Vũ Đại D](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[8] Xét kháng cáo của bị cáo [Vũ Đại D](#):

[8.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm. Bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do, bị cáo tác động gia đình bồi thường hết số tiền cho bị hại và tại phiên tòa phúc thẩm bà [N1](#) thừa nhận phía gia đình bị cáo đã trả bà đủ số tiền 615.000.000 đồng và trả cho bà [H3](#) 170.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Những căn cứ trên là tình tiết mới được xem xét tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và do có tình tiết mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm một phần hình phạt cho bị cáo và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[8.2] Về trách nhiệm dân sự thì tại phiên tòa phúc thẩm bà [N1](#) có mặt và xác nhận đã nhận đủ số tiền 615.000.000 đồng (theo như quyết định của bản án sơ thẩm). Do đó, Hội đồng xét xử xác nhận phần trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với bà [N1](#) đã thực hiện xong.

Đối với số tiền 170.000.000 đồng mà bị cáo cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tác động gia đình là bà [Nguyễn Thị H](#) (mẹ đẻ của bị cáo) bồi thường xong cho bà [H3](#) cũng như bà [H3](#) có Đơn xác nhận về việc này. Tuy nhiên, Đơn có chữ ký của bà [H3](#) không có xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác nhận số tiền này bị cáo đã bồi thường xong cho bà [H3](#). Nếu đã bồi thường cho bà [H3](#) thì trong quá trình thi hành án sẽ được đối trừ theo quy định của pháp luật.

[8.3] Đối với hành vi làm giấy tờ giả của bị cáo [D](#) thì trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra không thu giữ được bản gốc “Đơn xin xác nhận của anh [Nguyễn Hoàng U](#), có dấu và chữ ký của ông [Trình Văn G](#) - Chủ nhiệm [Hợp tác xã N3](#)” do gia đình anh [U](#) không đồng ý cung cấp, nên không thể giám định, xử lý đối với [D](#) về hành vi sử dụng giấy tờ giả. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo, nên bị cáo [D](#) không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Vũ Đại D](#);

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2024/HS-ST ngày 28 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng.

1. Tuyên bố: Bị cáo [Vũ Đại D](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo [Vũ Đại D](#) 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2022.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho bà [Trần Thị N1](#) số tiền 615.000.000 đồng (đã bồi thường xong cho bà [N1](#)).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo [Vũ Đại D](#) không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HS-VA; PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hưng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nam Nguyễn Ngọc Hoa

Đặng Văn Hưng